TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 19/9/2022
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Hiệu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Danh Lơi

Bà Nguyễn Thị Mai Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hương - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham dự phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 30/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2022/QĐXX-ST ngày 04 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2022/QĐ-ST ngày 29 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị O, sinh năm: 1993, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 1, xã N, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Lê Văn H, sinh năm: 1985, vắng mặt

Địa chỉ: Thôn 3, xã M, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa.

Hiện đang lao động ở nước ngoài.

Người giám hộ: Bà Lê Thị M, sinh năm 1962, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 3, xã M, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 14/4/2022 và các đơn trình bày, nguyên đơn chị Lê Thị O trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị O và anh Lê Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn và được UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 22/2012, quyển số 01/2011 ngày 05/4/2012.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Anh H đi Hàn Quốc làm ăn và không trở về Việt Nam. Kể từ khi đi Hàn Quốc thì anh H không quan tâm đến vợ con và cũng từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân. Vì vậy, chị O thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị không thể tiếp tục cuộc hôn nhân, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Văn H.

Chị O và anh H có 01 con chung là cháu Lê Văn Tuấn T, sinh ngày 25/7/2014. Tại đơn khởi kiện ngày 14/4/2022 và bản tự khai ngày 01/7/2022 thì chị O có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đ/tháng. Tuy nhiên, tại Bản tự khai ngày 15/7/2022, chị O lại có nguyện vọng giao con chung cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000đ/tháng. Đề nghị Tòa án tạm giao cháu Lê Văn Tuấn T, sinh ngày 25/7/2014 cho mẹ đẻ anh H là bà Lê Thị M là người giám hộ chăm sóc cháu T, khi nào anh H về Việt Nam thì bà M phải giao cháu T cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì thời điểm hiện tại chị O không đủ điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T.

Về tài sản và công nợ: Chị O không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh địa chỉ của bị đơn anh Lê Văn H, nhưng hiện nay anh H không có mặt tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải để các bên đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án được.

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 11/7/2022, bà Lê Thị M (mẹ đẻ anh H) trình bày: Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị O ly hôn anh H. Chị O đi để cháu Lê Văn Tuấn T cho bà nuôi từ khi cháu T mới được 09 ngày tuổi. Bà M đề nghị Tòa án giao cho anh H trực tiếp nuôi cháu T và bà sẽ trách nhiệm nuôi dưỡng cháu cho đến khi anh H về Việt Nam thì bà sẽ giao cháu T cho anh H nuôi dưỡng. Tòa án yêu cầu bà cung cấp địa chỉ của anh H nhưng hiện nay bà không biết để cung cấp cho Tòa án.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/7/2022, cháu Lê Văn Tuấn T có nguyện vọng được ở với bố và bà nội là bà Lê Thị M.

- *Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Đương sự thực hiện đầy đủ quyền lợi ích hợp pháp.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị O.

Về án phí: Chị O phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

[1] Về tố tụng:

Chị Lê Thị O làm đơn yêu cầu giải quyết ly hôn đối với anh Lê Văn H có hộ khẩu thường trú tại thôn 3 xã M, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa. Nhưng hiện nay anh H đã xuất cảnh, chưa nhập cảnh về nước. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an có văn bản số 8760/QLXNC-P5 ngày 04/5/2022 trả lời Công văn số 22/CV-TA ngày 19/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, với nội dung: Lê Văn H, sinh ngày 24/6/1985, đã xuất nhập cảnh 7 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 07/8/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước.

Tòa án đã tiến hành xác minh, yêu cầu bà Lê Thị M, mẹ của anh Lê văn H cung cấp địa chỉ và thông báo cho anh H về việc chị O có đơn xin ly hôn anh. Tuy nhiên, bà M không biết địa chỉ cụ thể của anh H để cung cấp theo yêu cầu của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được và trường hợp này thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị O và anh Lê Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn và được UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 22/2012, quyển số 01/2011 ngày 05/4/2012. Vì vậy, hôn nhân giữa chị O và anh H là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chị O sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì liên tục phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, luôn bất đồng quan điểm sống, anh H đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài và đến nay không về nước. Vợ chồng không còn liên lạc, không quan tâm đến nhau, không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, thực tế tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị O có đơn xin ly hôn anh H là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị O và anh H có 01 con chung là cháu Lê Văn Tuấn T, sinh ngày 25/7/2014. Giao cháu T cho anh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; Trong thời gian H chưa về Việt Nam, giao cháu T cho ba Lê Thị M (mẹ đẻ anh H) chăm sóc nuôi dưỡng, khi nào anh H về Việt Nam thì bà M có trách nhiệm giao cháu T cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị O phải cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/tháng kể từ tháng 9/2022 cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi.

Về tài sản và công nợ: Chị O không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[3] Về án phí: Chị O phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

* Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Dân sự năm 2015. Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

* Xử: - Về hôn nhân*:* Xử cho chị Lê Thị O được ly hôn anh Lê Văn H.

- Về con chung*:* Giao cháu Lê Văn Tuấn T, sinh ngày 25/7/2014 cho anh Lê Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chị O phải cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000đ/tháng, kể từ tháng 9/2022 cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi.

Tạm giao cho bà Lê Thị M là người giám hộ chăm sóc nuôi dưỡng cháu T trong thời gian anh H chưa về Việt Nam. Khi nào anh H về Việt Nam bà M có trách nhiệm giao cháu T cho anh H chăm sóc nuôi dưỡng.

- Về tài sản, công nợ: Chị O không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị O phải chịu 300.000^{đ} án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000^{đ} Chị đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0001157 ngày 24/5/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. Chị O đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã Đông Ninh;
- Tổ HC-TP;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thị Hiệu